

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 328****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyên ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh****Thời gian: 16.03.2011****Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta tiếp tục xem những điều Thiên Thân Bồ Tát nói trong Vãng Sanh Luận.

“Phật quốc độ thập thất chủng trang nghiêm công đức lực bất khả tư nghị”. Mười bảy loại này chúng ta học đến loại mười hai: chủ trang nghiêm.

Chúng ta bắt đầu học tiếp thứ mười ba quyển thuộc trang nghiêm. Chủ là thầy giáo, quyển thuộc là học sinh. *“Chư Bồ Tát chúng, do Như Lai chánh giác chi hoa hoá sanh dã”*. Quyển thuộc này từ đâu đến? Thế giới Cực Lạc có thể nói là thuần mà không tạp, mỗi người vãng sanh đều đầy đủ những điều kiện mà thế giới Cực Lạc yêu cầu. Điều kiện không phù hợp thì không thể vãng sanh. Bất luận là chúng sanh như thế nào, chúng ta biết nơi thế giới Cực Lạc có Bồ Tát, có nhị thừa, có thiên nhân, có tu la, la sát. Trong nhân đạo cũng có thiện nhân, ác nhân, có nam nữ già trẻ. Còn có súc sanh vãng sanh, quỷ đạo vãng sanh, địa ngục vãng sanh, rất nhiều. Bất luận là đường nào vãng sanh, đều cần phải đầy đủ những điều kiện mà trong kinh điển đã nói.

Điều kiện này chủ yếu nhất là phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm. Trong phát tâm còn có điều kiện. Trong kinh Di Đà Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, là thiện căn phước đức nhân duyên. Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước này. Có thể thấy đây là điều kiện rất quan trọng. Là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của tất cả chư Phật giáo hoá chúng sanh. Phật A Di Đà cũng tuyệt đối không làm trái với những điều này. Đây là điều kiện cơ bản. Đó là gì? Giới định tuệ tam học. Tam học, lục độ, lục hòa là điều kiện cơ bản. Bất luận tu pháp môn nào đều cần phải đầy đủ. Không thể nói pháp môn tịnh độ là ngoại lệ, không cần giới định tuệ, không cần lục độ. Điều này không thể có, không làm được. Điều này trong kinh giảng rất nhiều.

Pháp môn tịnh độ là pháp môn Phổ Hiền, có sự liên quan mật thiết nhất với Phổ Hiền. Phẩm thứ hai trong kinh này “Đức Tôn Phổ Hiền”. Trước đây ở Mỹ, tôi quen cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Ông ta chỉ ở Mỹ một tháng. Khi trở về Bắc Kinh, tôi

đến Bắc Kinh thăm ông, ông hy vọng tôi ở Mỹ, Ca Na Đa, ở hải ngoại kiến lập Tịnh Tông học hội. Đây là hy vọng cả một đời của Hạ Liên Cư. Điều này ở trong nước làm chưa thành công, chỉ có đề xuất đến mà chưa thành lập. Tôi vô cùng hoan hỷ tiếp nhận ý này. Thực sự mà nói thì Tịnh Tông Học Hội chính là Liên Xã ngày xưa, chỉ đổi danh từ mới, nội dung không có gì sai biệt, chính là Liên Xã. Bây giờ nói Liên Xã có rất nhiều người không lý giải được, đặc biệt đây đều là danh xưng của tôn giáo, rất đậm bản sắc của tôn giáo.

Hạ Liên Cư rất có trí, ông nói đạo tràng Phật giáo chúng ta, đều nên dùng học viện, học hội. Học viện là nơi bồi dưỡng nhân tài. Học hội là đạo tràng tu tập. Suy nghĩ này rất hay. Tịnh Tông học hội đầu tiên của chúng ta thành lập tại Uân Ca Hoa. Tôi đến đó giảng kinh một tháng, sau khi giảng xong họ đã thành lập Tịnh Tông học hội Canada là cái đầu tiên. Tôi từ Canada về đến Gia Châu, ở đó giảng kinh, các vị đồng học nơi đó thành lập Tịnh Tông học viện ở Mỹ, không phải ở thành phố Tam Phiên. Thành phố Tam Phiên có một trấn nhỏ là Tang Ni Duy Nhĩ, do nhóm đồng tu của Dương Nhất Hoa tổ chức, bây giờ vẫn còn. Đây là Tịnh Tông học hội đầu tiên tại Mỹ. Về sau đến nhiều nơi giảng kinh, hình như ở Mỹ và Canada, tất cả có hai ba mươi hội. Bây giờ có mấy nơi mà tôi không biết. Trước khi tôi rời Mỹ, tôi biết có hơn ba mươi hội. Bây giờ trên toàn thế giới, chỗ Tịnh Tông học hội nhiều nhất là Malaysia. Nghe nói Malaysia có đăng ký của chính phủ, có hơn năm mươi hội. Không có đăng ký đại khái có thể gần một trăm hội. Tịnh Độ Tông ở Malaysia đặc biệt thù thắng, không có khu vực nào hơn nơi đây. Họ rất nhiệt tâm, đây là việc tốt. Người học Phật chân chánh rất đông. Chỗ này rất tốt, xã hội an định, ít thiên tai. Âu Châu cũng có không ít, cũng có mấy tịnh Tông học hội. Âu Châu là nơi đất nhiều người ít, nhân khẩu cư trú đều tập trung dọc quanh biển. Ở giữa đất liền rất ít người trú. Cho nên ở vùng ven biển có mấy đô thị lớn, đều có Tịnh Tông học hội.

Tịnh Tông học hội khi mới thành lập, tôi đã viết phần duyên khởi. Đưa ra phương pháp tu học cụ thể, có năm khoa mục. Những gì chúng tôi căn cứ là Tịnh Độ Ngũ Kinh Nhất Luận. Lý luận và phương pháp đều y cứ kinh giáo. Năm khoa mục, khoa mục trên việc hành trì này. Thứ nhất là Tịnh nghiệp tam phước. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Tịnh tông, xuất phát từ “Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh”. Đức Phật nói với phu nhân Vi Đề Hy. Điều thứ nhất: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Điều thứ hai: “*Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”. Điều thứ ba: “*Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tán hành giả*”. Tiếp đó Phật lại nói, ba điều này là tịnh nghiệp chánh nhân của chư Phật ba đời. Câu này rất quan trọng. Ba đời là quá khứ, hiện tại, tương lai. Phạm phu, Bồ tát tu hành thành Phật đều y

theo ba điều này. Ba điều này là Tịnh Nghiệp Chánh Nhân, là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Rất rõ ràng chúng ta có thể lãnh hội được.

Điều thứ nhất là tịnh nghiệp của Phạm phu. Điều thứ hai là tịnh nghiệp của Nhị thừa. Điều thứ ba là tịnh nghiệp của Bồ tát đại thừa. Trong vấn đề tu tập, nếu làm người còn chưa tốt, thì sao có thể làm Bồ Tát? Làm sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vãng sanh thế giới Cực Lạc ba điều kiện này cần phải đầy đủ. Câu thứ nhất trong điều thứ nhất là hiếu dưỡng phụ mẫu, chúng ta đã làm được chưa? Câu thứ hai là phụng sự sư trưởng, là truyền thống văn hoá xưa của chúng ta. Trong đây nói hiếu thân tôn sư, không đầy đủ điều kiện này thì không thể vãng sanh. Cho nên người niệm Phật rất đông mà người vãng sanh rất ít. Người vãng sanh nhất định đầy đủ.

Hiếu thân tôn sư nên làm cách nào? Chúng ta thực hành trong “Đệ Tử Quy”. Đệ tử quy chính là hiếu thân tôn sư. Từ nhỏ bắt đầu dạy. Từ tâm bất sát, đây là câu thứ ba. Thực hành trong “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên”, là giáo dục nhân quả. Câu cuối cùng là tu Thập Thiện Nghiệp. Thực hành trong “Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh”. Trong đây, căn bản của Thích Đạo Nho đều đã hiển bày.

Ngày xưa thời đại đế vương, có thể nói là mỗi người từ nhỏ đều đã tiếp nhận giáo dục này, nên nền tảng của họ rất vững chắc. Có thể nói từ xưa đến nay, trải qua bao thời đại đế vương. Gương mẫu tiêu chuẩn của họ đều là hiếu trị thiên hạ. Không có một vị đế vương nào không nói hiếu đạo. Hiếu thân thì sẽ tôn sư, sẽ tôn kính trưởng bối. Những năm cuối của nhà Thanh, Từ Hy thái hậu chấp chánh, đối với truyền thống xưa đã sơ sót. Còn nói, nhưng nói là nói, còn người thật sự làm thì rất ít, càng ngày càng ít. Nên thế gian gọi họ là nguy quân tử. Không phải là thật, vì họ nói được mà không hành. Nhưng đến thời dân quốc, người nói cũng đều không có. Thời dân quốc đến nguy quân tử cũng tìm không thấy. Do đó người xưa trong vòng một trăm năm này, đã quên lãng truyền thống văn hoá. Bây giờ nói đến Nho Thích Đạo, mọi người đều cảm thấy rất xa lạ, không biết Nho Thích Đạo là gì, đến cả “Đệ Tử Quy” cũng đều không biết.

Trước đây chúng tôi ở tiểu trấn Thang Trì - Lô Giang làm thí nghiệm. Thành lập một trung tâm, chính là để đẩy mạnh Đệ Tử Quy. Vì điều này, chúng tôi đã làm ba năm và hiệu quả vô cùng tốt. Nhân dân ở đây rất vui mừng. Họ không biết rằng tổ tiên của họ đã để lại thứ quý giá như vậy. Chẳng ai không tán thán, không vui mừng. Chúng tôi làm thí nghiệm này là vì liên hiệp quốc mà làm. Trong mấy năm đó, tôi tham gia rất nhiều lần hội nghị hoà bình của Liên hiệp quốc. Mỗi lần trong hội nghị tôi đều có chủ giảng, tôi đem những thứ thuộc về truyền thống văn hoá này, giới thiệu cho mọi người. Mọi người khi nghe xong đều rất hoan hỷ, điều này

trước giờ chưa từng nghe qua. Nhưng sau khi biết, mọi người trong hội, ăn cơm, cùng nhau nói chuyện, rất nhiều người đưa ra vấn đề hỏi tôi. Họ nói, Pháp sư, ông giảng rất hay, nhưng đây là lý tưởng, không thể thực hành được. Tôi đã bị quan niệm sai lầm như vậy của mọi người kích động, cảm thấy không thể không làm ra một thành tích cho mọi người xem. Người xưa gọi là kiêu mầu.

Nếu không làm ra kiêu mầu cho mọi người xem, họ sẽ không tin tưởng. Do đó tôi muốn tìm một chỗ để làm thí nghiệm. Trước đây ở Mỹ tôi cũng đã từng tìm kiếm, ở Singapore, Indonesia, Âu Châu, nhưng duyên chưa thành thực. Chúng tôi muốn dùng một thị trấn nhỏ để thúc đẩy việc này. Dạy Đệ Tử Quy, truyền thống văn hoá xưa. Đầu năm 2005. Mùa xuân, Tôi nhớ là mùa xuân, tôi trở về quê sau 70 năm xa cách. Tôi trở về thăm, còn có một vài thân thích, anh em cùng hàng trong dòng tộc. Còn có khoảng hơn 30 người. Thật là tuổi nhỏ xa quê già trở về. Hơn 70 tuổi trở về, muôn phần cảm khái. Họ mời tôi ăn cơm, tôi đem tình hình những lưu lạc năm ở nước ngoài kể với mọi người. Khi nói đến tham gia công việc này với liên hiệp quốc, muốn tìm một chỗ để làm thí nghiệm nhưng không tìm thấy. Các phụ lão huynh đệ ở quê sau khi nghe xong đều rất nhiệt tình, thôi thì trở lại quê hương mình làm thí nghiệm vậy. Lúc đó lãnh đạo địa phương cũng tán thành cũng hoan hỷ, và như vậy chúng tôi đã làm thành công.

Chúng tôi vốn dự định, ít nhất phải hai ba năm mới thấy được hiệu quả. Không ngờ chưa đến bốn tháng hiệu quả ngoài sức tưởng tượng. Các thầy giáo như chúng tôi đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc! Đã chứng minh hai việc. Thứ nhất là, như cô nhân thường nói tánh con người vốn thiện. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Tánh con người thật sự là thiện, chỉ là không có người dạy họ. Chứng minh được việc thứ hai là con người rất dễ dạy. Chưa đến ba tháng họ đã hồi đầu, đã từ phạm phu biến thành quân tử, đã hiểu lễ phép, tâm lành phát khởi, không muốn làm việc xấu, không muốn áp bức người khác. Thật hiếm có.

Việc này là việc tốt, nhưng khi chiếu theo pháp luật của Trung Quốc, thì chúng tôi đã làm không đúng pháp. Vì chúng tôi là người xuất gia, lại là người hải ngoại. Chính sách của chính phủ thì người xuất gia ở hải ngoại, có thể về nước để thăm thân bằng quyến thuộc, tham quan du lịch, điều này thì không hạn chế. Nhưng không được hoạt động những việc liên quan đến tôn giáo. Tôi làm điều này tuy không phải là hoạt động tôn giáo, là hoạt động của truyền thống văn hoá. Nhưng người xuất gia làm thì không được, nên trung tâm cuối cùng vẫn phải đóng cửa. Trước là nghỉ dạy, sau đó là đóng cửa. Các thầy giáo như chúng tôi, một số đang ở Malaysia tiếp tục học tập. Tôi hy vọng họ đều tinh tấn học tập ba truyền thống văn hoá căn bản của Thích Đạo Nho này. Thời gian phải mười năm, chưa đến mười

năm không thể thành công. Sau mười năm có thể trở thành nhà hán học hàng đầu của thế giới.

Tôi đã hai lần phỏng vấn ở Luân Đôn, đặc biệt đi xem đại học Ngưu Luật, Đại học Kiếm Kiều, và đại học Luân Đôn. Đây là trung tâm hán học của Âu Châu. Tôi đã giao lưu với họ, cũng rất thân với các vị giáo thọ của họ. Tôi rất khâm phục những vị này. Họ không những học tập truyền thống văn hoá Trung quốc. Nền tảng về thể loại văn cổ của họ, nói như cách nói bây giờ thì công lực của họ tương đương sâu dày. Có thể đọc những tác phẩm văn cổ của Trung Quốc. Có thể xem những chú giải cổ của truyền thống Trung Quốc. Điều này khoa văn học của một số trường đại học hiện nay không làm được. Chúng ta chẳng thể không phục, cùng giao lưu với họ không cần phải phiên dịch, vì họ đều học hán học. Bây giờ thầy giáo hán học, nghĩa là giáo thọ không còn nữa.

Nếu không có người truyền thừa, hán học sẽ bị đoạn, như vậy thì thật đáng tiếc. Diễn tịch đều còn, nhưng không có ai đọc được. Nên hai ba chục người thầy này, đã phát tâm truyền thừa. Cũng tổ chức những buổi giảng nhỏ cho những người có hứng thú tu học lớp ngắn ngày. Mỗi năm họ tổ chức khoảng ba lần, một lần là 45 ngày. Nhân sĩ hải ngoại nếu thích học thì đều hoan nghênh, nhưng tốt nhất nên từ việc công tác giáo dục. Đây là sự nghiệp giáo dục văn hoá. Có nhiều người phát tâm như vậy, hán học có thể được tiếp tục truyền thừa. Thật sự có mấy vị giáo thọ hàng đầu rất ưu tú, hán học tương lai sẽ phát triển rộng rãi. Tôi tin những vị thầy giáo này, tuy bây giờ họ không có tiếng tăm gì, nhưng mười năm sau chắc chắn sẽ thành danh. Tôi tin rằng những trường học hàng đầu trên thế giới này, trong đó khoa hán học đều mời họ đến làm giáo thọ.

Lợi dụng khoa học kỹ thuật cao hiện nay như mạng Internet quốc tế và truyền hình vệ tinh. Nếu như có một kênh chuyên môn, 24 giờ không gián đoạn, những người này luân lưu đến tuyên giảng, người trên toàn thế giới đều có thể nghe được. Học tập từ truyền hình vệ tinh, từ mạng Internet. Như vậy giống như tiến sĩ Thang Ân Tử nói, giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21. Chúng ta cũng có thể bổ sung thêm một chút, là hoá giải thiên tai của địa cầu trong thế kỷ 21, chỉ có Phật học đại thừa và truyền thống văn hoá xưa mới khởi tác dụng lớn nhất. Vì sao? Thiên tai là nghiệp bất thiện trong tâm con người dẫn khởi nên. Điều này trong kinh đức Phật đã giảng rất thấu triệt, Nho Đạo cũng không ngoại lệ, đều có cách nhìn giống nhau. Con người nếu tâm địa thanh tịnh thiện lương, thì xã hội sẽ an định, thiên tai sẽ được hoá giải.

Đại thừa Phật giáo và truyền thống văn hoá xưa, chính là dạy chúng ta làm điều này. Lúc tôi còn trẻ, thầy Phương giới thiệu Phật Pháp cho tôi, tôi theo thầy

học triết học. Thầy giảng cho tôi “Triết học khái luận”, và mục cuối cùng là “Phật Kinh Triết Học”. Khi học môn này, câu đầu tiên thầy nói với tôi: “Đức Thế Tôn là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”. Môn học này đã thay đổi cả cuộc đời tôi. Đối với Phật pháp, đối với tôn giáo không hề biết gì, mà còn sanh tâm ngộ nhận sâu sắc, cho rằng nó là mê tín, đối với xã hội không có chút công hiến nào. Tôi đã hoàn toàn sai lầm!

Sau khi nghe thầy Phương dạy rõ, tôi mới hoát nhiên đại ngộ. Thì ra thế gian còn có thứ tốt như vậy. Sau lần đó tôi hầu như buông bỏ toàn bộ, toàn tâm toàn lực học tập kinh điển. Thời gian học tập kinh điển, Chương Gia đại sư đã đặt nền tảng cho tôi, quan niệm cơ bản. Tiếp nhận dạy dỗ của thầy Lý mười năm, một đời học tập Đức Thế Tôn. Đây là Chương Gia đại sư dạy dỗ. Dùng cách nói của hiện nay là giáo sư giáo dục xã hội văn hoá đa nguyên, dùng địa vị này xuất hiện tại thế gian. Đức Thế Tôn chính là địa vị này. Giảng kinh giáo hoá 49 năm, nên Phật pháp thật sự là giáo dục. Nó hoàn toàn khác với tôn giáo, nó tôn trọng tôn giáo, tán thán tôn giáo, nhưng bản thân nó không phải là tôn giáo. Chúng ta chẳng thể không biết điều này. Nếu không biết thì trong đại thừa cái gì cũng học không được. Nếu ta học được là mê tín của tôn giáo, là Phật giáo của tôn giáo thì ta đã sai.

Tôi học tập đến nay đã 60 năm, mấy năm gần đây tôi lại phát hiện, đại thừa không những là đỉnh cao của triết học, đồng thời cũng là đỉnh cao của khoa học. Ngày nay nghiên cứu không gian vật lý, nghiên cứu lượng tử lực học. Những điều này toàn bộ đều trong kinh điển đại thừa. Trong kinh điển đại thừa nói tường tận, thấu triệt hơn họ. Những vấn đề họ không thể giải quyết, nhưng trong kinh điển đại thừa giải quyết được. Nên kinh điển đại thừa là khoa học tối cao. Nước Anh, thực chất Âu Châu là đại bản doanh của hán học, nên Thang Ân Tử mới có nhận thức như vậy. Có người chỉ đạo sáng suốt trí tuệ như vậy, chúng tôi rất khâm phục.

Thầy Phương đặc biệt giới thiệu cho tôi là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đây là nhất thừa pháp trong kinh điển đại thừa. Trước đây tôi ở Đài Trung học kinh giáo với thầy Lý, tu chủ yếu là kinh Lăng Nghiêm. Tôi nhớ, tôi từng giảng qua bảy lần kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm dài, bảy lần mà hình như chỉ có hai hay ba lần giảng viên mãn, còn mấy lần đó không đủ duyên, mới giảng một nửa là gián đoạn. Kinh này trong giới Phật giáo rất nổi tiếng, nên nói Lăng nghiêm là khai trí tuệ, Pháp Hoa là thành Phật. Kinh Lăng Nghiêm với Pháp Hoa ngang nhau. Đây là cơ sở tu học trong kinh giáo của tôi, cũng chính ba bộ kinh này dẫn dắt tôi trở về với Tịnh độ. Nếu không phải ba bộ kinh này, tôi đối với Tịnh độ rất khó tiếp nhận. Cho nên Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm dẫn dắt tôi trở về tịnh độ.

Quyển thuộc trang nghiêm trong Vãng Sanh Luận nói đến Chư Bồ Tát, đây là người vãng sanh, Người vãng sanh tất cả đều được gọi là Bồ Tát. Mặc dù họ sanh vào cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh. Sanh đến thế giới Cực lạc sẽ được oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Họ chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát, chứ không phải là Bồ Tát bình thường. Nên pháp giới của thế giới tây phương thuần Bồ Tát. Ở đây chỉ có hai hạng người, chủ là thầy và Bồ Tát là học sinh. Nên thế giới Cực Lạc là nơi như thế nào? Thực tế mà nói chính là nơi Phật A Di Đà sáng lập, đặc biệt là vì lục đạo chúng sanh trong biến pháp giới giới hư không giới, quốc độ của mười phương chư Phật mà thành lập đạo tràng này. Mục tiêu của đạo tràng này là gì? Tức thân thành Phật. Chính là ngay trong đời này, giúp ta chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Hay nói cách khác là ta hoàn toàn giống như Đức Phật. Như những gì A Xà Vương Tử nói trước đây, đến thế giới Cực Lạc là làm Phật. Thành Phật đều giống như Phật A Di Đà. Trí tuệ, thần thông, đạo lực, phước báo trong các chư Phật đều là đệ nhất. Điều này không đáng nể sao! Sự việc này thật không thể nghĩ bàn.

Thông thường nói, đây chỉ là lý tưởng không làm được. Nhưng Phật A Di Đà đã làm được, sao ngài làm được? Bởi Ngài phát 48 nguyện, mỗi nguyện không vì mình mà Ngài vì lục đạo chúng sanh trong quốc độ của tất cả chư Phật trong biến pháp giới hư không giới. Lục đạo đáng thương nhất, mê sâu nhất và tạo nghiệp nặng nhất. Giúp họ một đời thành Phật, ngài đã làm được. Dùng thời gian năm kiếp để thực hành 48 lời nguyện, và mỗi nguyện đều đã viên mãn. Thực hành viên mãn 48 lời nguyện thì thế giới Cực lạc liền xuất hiện. Đạo lý này không khó hiểu, người học Phật nghe rất quen thuộc. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường dạy: “Tất cả pháp tùng tâm tướng sanh”. Thế giới Cực Lạc là trong tâm tướng của Phật A Di Đà biến hiện ra. Hay nói cách khác, chúng ta muốn vãng sanh, nhưng làm không được. Nhưng Phật A Di Đà viên mãn như vậy, ít nhất cũng hưởng được một chút lợi ích. Điều này rất quan trọng.

Lợi ích 48 nguyện của Phật A Di Đà, chúng ta mỗi ngày đều niệm, khi niệm sẽ phát tâm. Ngài đã làm được rồi, mà chúng ta bây giờ vẫn chưa làm được. Chưa làm được cũng đừng lo lắng, đến thế giới Cực lạc làm tiếp. Đến thế giới Cực Lạc nhất định sẽ làm được, mỗi nguyện cần phải thực hiện. Nguyện nguyện phải vì chúng sanh không phải vì mình. Vì mình, có ý niệm này là không thể vãng sanh. Nhất định phải vì chúng sanh. Vì mình là tiểu thừa, tâm lượng rất nhỏ. Cho nên ngài yêu cầu là phát tâm bồ đề, tâm lượng của bồ đề tâm không có biên tế. Phải một lòng chuyên niệm. Đây là điều kiện thứ nhất để vãng sanh thế giới Cực lạc.

Trong đời này của chúng ta, chỉ có một phương hướng một mục tiêu. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà,

đồng tâm đồng nguyện với Phật A Di Đà. Tâm của Phật A Di Đà là mỗi niệm đều nghĩ đến tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới đều thành Phật. Ở trước có đọc qua, nhất thiết giai thành Phật. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh vốn là Phật, nhưng vì họ mê. Nên khi ta thành Phật phải giúp họ giác ngộ. Họ giác ngộ thì họ sẽ thành Phật. Tất cả chúng sanh vốn cư trú trong thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc. Chúng ta vốn ở nơi đó, nhưng vì mê muội nên thế giới này cũng biến mất, đem Hoa Tạng và Cực Lạc bẻ khúc biến thành lục đạo luân hồi, biến thành thế giới như vậy và ở trong đó chịu tội. Đều là do một niệm sai lầm. Giáo dục của Đức Phật không gì khác ngoài hy vọng chúng ta hồi đầu. Hồi đầu ta sẽ giác ngộ. Buông bỏ chúng ta sẽ chứng quả. Nên những vị Bồ Tát này đến thế giới Cực Lạc, bao gồm biên địa đều như vậy. Toàn là liên hoa hoá sanh. Liên hoa từ đâu đến? Liên hoa là nguyện lực của Phật A Di Đà, là niệm lực của mỗi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đã thành tựu được như vậy.

Nguyện lực của Phật A Di Đà là duyên, niệm lực của chính chúng ta là nhân. Chúng ta có nhân này, Phật A Di Đà sẽ trợ duyên cho chúng ta, đến thế giới tây phương Cực Lạc liên hoa hoá sanh. Không phải thai sanh, noãn sanh. Như vậy là chịu tội. Còn liên hoa hoá sanh là được đại tự tại. Thân tướng mà liên hoa hoá sanh hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà. Nên thế giới Cực Lạc là pháp bình đẳng, không phải nói như chúng ta ở đây. Con người sau khi sanh ra từ nhỏ và dần dần lớn lên, không phải vậy. Trong hoa này đột nhiên có Bồ Tát xuất hiện, chính là họ đã đến. Họ tu thành và họ đã đến. Họ với Phật A Di Đà giống nhau. Thể chất của họ là Tử Ma Chân Kim Sắc Thân. Tướng tốt, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng tốt. Nên với Phật A Di Đà không có gì khác biệt.

Trong 48 nguyện nói, nếu có tướng hảo sai biệt, Phật A Di Đà thì không thành Phật, nhưng bây giờ ngài đã thành Phật. Mỗi người trong thế giới Cực Lạc tướng mạo là tương đồng, hoàn toàn là tướng Phật cứu cánh viên mãn. Khi sanh đến thế giới Cực Lạc, gặp được Phật A Di Đà, chắc chắn Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta. Được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, ta lập tức sẽ có năng lực ứng hoá đến mười phương thế giới, để giúp tất cả chúng sanh có duyên. Chúng ta có năng lực này. Năng lực này tuy không phải của chính mình, là của Phật A Di Đà gia trì. Nhưng chúng ta có thể giống như Bồ Tát Quan Âm ứng hoá 32 thân, nên lấy thân gì để được độ thoát thì liền hiện thân đó. Hiện thân không phải là ý của mình, mình không có ý kiến, sẽ không khởi tâm động niệm. Là do chúng sanh, do cảm chúng sanh đó. Họ hy vọng thấy tướng Phật, tướng Bồ Tát như thế nào, thì các ngài hiện ra như nguyện của họ, liền hiện tướng Phật, hiện tướng Bồ Tát để giúp họ, tiếp dẫn họ. Không có thiện căn thì giúp học trồng thiện căn. Có thiện căn thì giúp họ tăng trưởng thiện căn. Thiện căn đã tăng trưởng thì giúp họ thành thực.

Bây giờ thế gian loạn lạc, thế gian khổ não. Chư Phật Bồ Tát có ứng hoá ở thế gian này chăng? Chẳng những có, mà còn rất nhiều. Nếu không có nhiều Phật Bồ Tát hoá thân ở đây, thì thế gian này đã hủy diệt rồi. Chúng sanh tạo nghiệp cũng rất nặng. Phật Bồ Tát có phước báo, nên khi họ ở khu vực này thì thiên tai ở đó được hoá giải. Không thể hoàn toàn hoá giải thì cũng giảm nhẹ. Đây là từ bi vô tận của Bồ Tát, trong bao la đó vẫn đang gia trì. Thật giống như trong kinh đại thừa nói: “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhơn”. Mặc dù đã tạo tội nghiệp sâu nặng, các ngài vẫn lấy tâm từ bi để đối xử, giúp đỡ họ. Tuyệt đối không có một chút oán hận nào. Đây là tinh thần của đại thừa. Nên chúng ta phải vãng sanh, phải hiểu những đạo lý này và phải thật sự tu. Nỗ lực tinh tấn, có thể thực hành bao nhiêu thì làm bấy nhiêu. Đều gọi là công đức viên mãn, nên thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng.

Trong Vãng Sanh Luận thường nói ba loại thù thắng. Thứ nhất là Phật, thầy giáo thù thắng. Thứ hai là học sinh, Bồ Tát thù thắng. Thứ ba là quốc độ thù thắng, chính là đạo tràng thù thắng. Môi trường học tập quá tốt. Bất cứ ai tu học trong môi trường này, đều có thể đào thải tất cả tập khí vô minh, nâng cao cảnh giới của chính mình. Trí tuệ viên mãn, đức tướng viên mãn.

Thứ mười bốn thọ dụng trang nghiêm. Thọ dụng là gì? Là nói trong cuộc sống hàng ngày. “*Thọ dụng đại thừa chi pháp vị, thiên vị, tam muội vị dã*”. Vì chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, hoàn toàn không giống như ở thế giới này. Ở trước có nói, thế giới này là thân nghiệp báo. Ngạn ngữ có câu: “*Nhất sanh giai thị mệnh, bán điểm bất do nhân*”. Lời này là thật không phải giả. Chúng ta phát tài, nên cho rằng mình rất giỏi vì đã phát tài. Không phải, do số mạng ta có. Nếu số mạng mình không có, thì dù có nghĩ phương pháp gì, cũng không phát tài được. Ta làm quan lớn bao nhiêu đều do số mạng chủ định. Nếu ta sống tròn bổn phận, thì cả đời sẽ sống thật hạnh phúc, thật vui vẻ. Nếu như cho rằng, tôi phải dùng một vài phương pháp tổn người lợi mình để đạt được danh lợi. Như vậy là sai. Danh lợi đạt được không phải do phương pháp này, mà do số mạng có. Còn số mạng không có, có thể đạt được không? Được. Nếu quý vị học Phật, Phật sẽ nói cho quý vị biết. Số mạng không có tiền tài, Đức Phật sẽ dạy cách cầu tài. Cầu cách nào? Tài bố thí đạt được của cải. Pháp bố thí được thông minh trí tuệ. Vô úy bố thí được mạnh khoẻ sống lâu. Chỉ cần thực hiện ba điều này, thì ba loại quả báo đó nhất định đạt được.

Điều này lúc tôi còn trẻ, năm 26 tuổi tôi học Phật, Chương Gia Đại sư đã dạy cho tôi. Đại sư hình như cùng tuổi với thầy Lý. Tôi 26 tuổi theo đại sư, năm đó thầy 65 tuổi. Lớn hơn tôi 39 tuổi, thuộc hàng tổ phụ. Nhìn thấy tôi còn trẻ tuổi, không có phước báo lại yếu mệnh. Cũng may là gì? Chính là nghe lời. Đối với đại sư rất tôn trọng, là đã chiếm được một phần lợi ích. Đại sư đồng ý dạy tôi. Mệnh khổ, Đại sư dạy tôi thay đổi vận mệnh. Số mạng của mỗi người tiền tài đều có một ít, nhưng số

mạng tôi tiền tài là không, cái gì cũng không. Cho nên cuộc sống vật chất vô cùng khó khăn, lại yếu mệnh. Yếu mệnh là do tạo quá nhiều ác nghiệp. Từ nhỏ thích săn bắn. Tôi nhớ đã săn bắn ba năm, trong thời kỳ kháng chiến. Mười mấy tuổi chưa hiểu chuyện. Nên đại sư dạy tôi pháp sám hối, dạy tôi ba loại bố thí. Tôi nói với đại sư, cuộc sống tôi rất khổ, phải sống cuộc sống cơ hàn nhất, miễn cưỡng duy trì, không có tiền để bố thí. Chương Gia đại sư hỏi tôi, một hào có không? Tôi nói, một hào thì có. Một đồng có không? Một đồng hơi miễn cưỡng. Đại sư liền dạy tôi bắt đầu bố thí từ một hào một đồng đó, cần phải có tâm bố thí. Khi gặp được nhân duyên hãy tùy theo sức lực mà làm. Tôi hoàn toàn nghe theo, ba loại bố thí đều tu. Học hai ba năm, thời gian không gọi là dài, nhưng đã có hiệu quả, thu nhập tự nhiên nhiều hơn. Nhưng thu nhập nhiều thì bố thí nhiều. Càng thí càng nhiều, càng nhiều càng thí.

Lúc đó bố thí là vì trong quá khứ sát sanh, nên tôi thích phóng sanh. Bất cứ ai đi phóng sanh tôi cũng đều tham gia, đóng góp một ít tiền. Về sau tiền nhiều thì bố thí thuốc men. Đưa tiền vào bệnh viện, nói với họ, nếu có người cùng khổ không trả nổi viện phí, tôi giúp họ trả. Đến lúc này, tôi mỗi tháng còn giúp thành phố thành lập bệnh viện. Mỗi tháng là một vạn tiền viện phí, một năm mười hai vạn, mười năm chưa từng gián đoạn. Ở đây còn có một trung tâm an ninh, do Cơ Đốc giáo thành lập và họ làm rất tốt. Đây còn gọi là trung tâm chăm sóc người lâm chung. Điều này rất quan trọng. Cơ Đốc Giáo làm điều này rất sáng suốt. Khi lâm chung, bất luận là dùng nghi thức của tôn giáo nào. Nó đều sẽ giúp đỡ mà không chướng ngại chúng ta. Chuyện này rất tốt. Ở đó thiếu kinh phí nên đến tìm tôi. Một năm tôi ủng hộ họ hai mươi vạn, tiền này là thuộc về vô úy bố thí. Những tai nạn ngoài ý muốn đó, còn những người thanh niên ở Đồ Văn Ba nghiện thuốc. Ở trước nói có một vị thị trưởng tôi rất thân, ông ấy cũng thành lập một trung tâm cai nghiện mà không đủ kinh phí. Muốn tôi ủng hộ tiền. Tôi nói bao nhiêu? Ông ta nói 30 vạn, chúng tôi đã đưa ông ta đủ số, rất hoan hỷ.

Như vậy là thuộc về điều gì? Vô úy bố thí. Trong lúc thiên tai, ta quyên góp cho họ đều là thuộc vô úy. Nhiều năm lại đây, tôi nhận sự cúng dường từ người khác, khoảng 90 phần trăm đều dùng vào pháp bố thí. Đây là điều mà Ân Quang đã khai thị cho tôi. Ân kinh, ấn tống kinh này số lượng rất lớn, bố thí đến toàn thế giới. Cho đến các tôn giáo khác, họ xây dựng viện dưỡng lão, cô nhi viện, làm rất nhiều sự nghiệp từ thiện xã hội, chúng tôi đều giúp đỡ. Cho nên trong kinh điển Đức Phật dạy chúng ta, thầy dạy chúng ta. Tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí. Trong 60 năm này thực sự tiền tài dùng không thiếu, hầu như là tâm tưởng sự thành. Pháp bố thí thì trí tuệ tăng trưởng, điều này vô cùng rõ ràng. Mọi người nghe tôi giảng kinh, mỗi năm đều không giống nhau, cảnh giới không tương đồng. Vô úy bố thí là mạnh

khoẻ sống lâu, cả đời tôi không có bị bệnh. Tôi không có bảo hiểm y tế nào, không có những thứ này. Tiền thuốc men của tôi đem bố thí hết, cho nên tôi không thể bị bệnh. Tôi bệnh sẽ không có tiền thuốc. Điều này quá tốt, đem tiền thuốc bố thí sẽ không bị bệnh. Nếu chúng ta cứ giữ lại một số tiền thuốc ở đó, nhất định sẽ sanh bệnh. Vì sao? Tiền đó là chuẩn bị dưỡng lão, thì chúng ta nhất định già. Tôi không có tiền dưỡng lão thì sẽ không già, không có tiền thuốc sẽ không sanh bệnh. Như vậy tự tại biết bao, hạnh phúc biết bao. Đây là điều thầy dạy, là Chương Gia đại sư dạy, tôi tin tưởng. Ngài lớn tuổi như vậy chắc không gặt tôi. Nên học rồi là thực hành rất ráo. Sống một ngày làm một ngày, làm một cách tự tại.

Như vậy thân ở thế giới Cực Lạc không phải là thân nghiệp báo. Họ có cần âm thực không? Không cần. Thế giới Cực Lạc không khí tốt, không có bốn mùa, không có nóng lạnh, rất ôn hoà. Y phục vô cùng mềm mại thoải mái. Thân pháp tánh thì cư trú ở cõi pháp tánh. Cho nên những thọ dụng này của họ. Quý vị xem, đại thừa pháp vị chúng ta cũng đã nếm được. Trong những năm gần đây, hàng ngày chúng tôi đọc tụng kinh luận đại thừa, cùng nhau chia sẻ với các bạn đồng học. Chúng tôi cảm nhận được, điều này hạnh phúc biết bao. Vui nên không biết mệt. Có vị đồng học sợ tôi tuổi lớn, một ngày giảng bốn tiếng đồng hồ thì quá mệt. Tôi nói với quý vị, không giảng kinh mới thật sự mệt, giảng kinh không mệt. Đừng nói bốn tiếng đồng hồ, mười hai tiếng cũng không mệt. Càng giảng càng vui, pháp hỷ sung mãn. Tôi hoan hỷ, mọi người cũng hoan hỷ.

Thiên vị, tam muội vị. Điều này không phải nhân gian, đến cả thiên nhân cũng không hưởng thụ được. Sắc giới thiên tuy là thiên, nhưng đó là thế gian thiên. Nó hoàn toàn không tương đồng với xuất thế gian thiên. Nên thân pháp tánh hoàn toàn nương vào tánh đức, pháp hỷ sung mãn. Người xưa nói: “*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sống*”. Con người gặp được việc vui thì đặc biệt hưng phấn, đặc biệt vui vẻ. Chư Phật Bồ Tát từ sáng đến tối đều pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Vì sao? Cảnh giới của chính mình không ngừng nâng cao niềm vui. Nhìn thấy chúng sanh có thể tiếp nhận Phật Pháp, có thể nghe giáo huấn là hoan hỷ. Còn không thể tiếp nhận, không thể tiếp nhận thì biết rằng nghiệp chướng của họ quá sâu nặng. Phải tha thứ cho họ, không nên tính toán với họ, để nghiệp chướng của họ từ từ tiêu trừ thì họ sẽ tin tưởng.

Đặc biệt là thời đại hiện nay, nghiệp chướng rất nặng. Chẳng những nghiệp chướng nặng, mà còn báo ứng hiện tiền.

Thứ mười lăm vô chư nạn trang nghiêm. Câu này là để ứng đối với hoàn cảnh hiện tại của chúng ta. Chúng ta cảm nhận đặc biệt sâu sắc. Trong tình cảnh của chúng ta ngày nay thiên tai quá nhiều. Tai nạn của cá nhân là bệnh khổ, là lo

lắng phiền não quá nhiều. Đây là tai nạn cá nhân. Còn tai nạn cộng nghiệp, như là tai biến, thiên tai trên địa cầu như động đất, núi lửa bộc phát, sóng thần. Những phong tai khí hậu biến hoá này. Hiện nay bốn mùa đột biến. Mùa xuân, mùa thu hầu như không có. Mùa hạ quá nóng, mùa đông quá lạnh. Rất nhiều động vật không thể thích ứng khí hậu nó sẽ tuyệt chủng. Động vật tuyệt chủng sẽ ảnh hưởng lớn đối với sự sinh tồn của nhân loài trên địa cầu. Ảnh hưởng rõ ràng nhất chính là nguy cơ lương thực. Nguy cơ về nguồn nước, tương lai nước khô hết không còn nữa. Như vậy mà không đáng sợ sao? Nguy cơ về nguồn năng lượng. Tất cả các loại nguy cơ đều xuất hiện. Người học đại thừa chúng ta đều biết, tất cả nguy cơ này đều có sự liên quan mật thiết với khởi tâm động niệm ngôn ngữ tạo tác của chính mình. Làm gì có chuyện tự nhiên? Không có những tai hại tự nhiên. Tự nhiên không bao giờ có tai hại.

Đức Phật dạy rất rõ ràng, tất cả là do nghiệp lực của chúng sanh chiêu cảm ra. Thế giới Cực Lạc là nghiệp lực, nhưng là tịnh nghiệp. Cõi trời là thiện nghiệp. Ba đường ác là ác nghiệp. Chúng ta bây giờ đang ở nhân đạo, không có thiện niệm. Thiện niệm, thiện ngôn, thiện hành đều không có. Cho nên chúng ta tuy ở nhân đạo, nhưng phải chịu khổ của tam ác đạo. Đức Phật dạy rất rõ ràng, hiện tại chúng ta chịu những sự khổ này gọi là hoa báo. Sau khi chịu khổ ở đây xong, đến tam ác đạo tiếp tục chịu khổ, đó gọi là quả báo. Quả báo khổ hơn nhiều so với hoa báo. Làm sao để cứu vãn những thiên tai trước mắt này? Đến Lý Thế Dân cũng nói niệm Phật, chỉ có niệm Phật. Nếu người trên toàn thế giới đều có thể niệm Phật, thì thiên tai sẽ được hoá giải. Nhưng con người không chịu niệm, mà còn nói rằng đây là mê tín không hợp với khoa học.

Thật vậy, trong kinh điển đại thừa có rất nhiều điều vượt trên khoa học, khoa học không thể giải thích. Chẳng phải không thể giải thích, mà trước mắt khoa học chưa thể giải thích. Có thể mười mấy năm, mấy trăm năm nữa, khoa học sẽ giải thích được. Nhưng mười mấy năm, mấy trăm năm thì thế giới này sẽ không còn nữa. Điều này chỉ có người thâm nhập đại thừa mới biết. Biết nhưng cứu không được thế giới này, ít nhất cũng cứu được chính mình. Không hoá giải được đại thiên tai của thế giới, thì ít nhất cũng hoá giải được thiên tai ở khu vực của chúng ta. Điều này có thể làm được. Nếu chúng ta có công lực tu hành của, khi chúng ta ở Âu Châu, Âu Châu sẽ không có thiên tai. Công phu không đủ, Âu Châu vẫn có thiên tai. Còn như đủ công lực thì chúng ta ở khu vực này, ở châu này, thành thị này sẽ không gặp thiên tai. Đây là sự thật. Điều này nhất định có thể làm được. Nên người học Phật càng nhiều càng tốt, phải thật sự học. Người học Phật không thật không được, cần phải học thật. Phải thật sự sửa đổi tâm mình.

Tâm Phật là gì? Đức Phật mỗi ngày dạy chúng ta phát bồ đề tâm. Chúng ta dùng cách nói đơn giản nhất, rõ ràng nhất biểu thị ra. Cái gì gọi là tâm bồ đề? Thể của tâm bồ đề là tâm chân thành, không có giả dối. Chân thành đến cực điểm, gọi là chí thành cảm thông. Chúng ta có thể cảm ứng Chư Phật Bồ Tát, lợi ích của tâm chân thành chính là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Tâm chân thành thì lợi ích của ta là đại từ đại bi. Cần phải giữ tâm như vậy mới đúng, giúp tất cả chúng sanh xa rời đau khổ được niềm an vui. Giúp họ xa rời đau khổ là bi tâm, giúp họ được niềm vui là từ tâm. Xa rời đau khổ đạt được niềm vui, quan trọng nhất là giúp họ khai ngộ phá mê khai ngộ. Nguồn gốc của đau khổ là từ mê mà có, niềm vui thật sự là từ giác ngộ mà ra. Nên Chư Phật Bồ Tát đến thế gian này để giúp đỡ chúng sanh, tất cả đều dùng phương pháp giáo hoá, dùng phương pháp minh hoạ. Chính mình làm một tấm gương tốt để cho mọi người xem. Làm minh hoạ, dạy học. Đây là phương pháp từ bi cứu độ chúng sanh một cách cứu cánh viên mãn. Nếu phá được mê lầm, thì thiên tai sẽ không còn, nghiệp chướng cũng tiêu trừ. Mê chưa phá thì nghiệp chướng không tiêu được, tai nạn không cách nào tránh khỏi. Giác ngộ sẽ đạt được niềm vui chơn chánh, người giác ngộ thì pháp hỷ sung mãn, người giác ngộ nhất định không lo lắng, không vương bận, không vọng tưởng.

Chân tướng của giác ngộ là quên mình vì người. Con người vẫn còn tự tư là chưa giác ngộ. Họ là tâm luân hồi nên tạo nghiệp luân hồi. Điều đầu tiên là phải quên mình_Vô ngã. Vô ngã là sao? Chỉ có người khác, không có chính mình. Sống trên thế gian này toàn tâm toàn lực phục vụ tất cả chúng sanh. Đây chính là đại bồ đề tâm, có thể tiêu nghiệp chướng. Có bản ngã là có nghiệp chướng. Vô ngã nghiệp chướng không có chỗ để dừng chân, nên nghiệp chướng tự nhiên không còn. Chỉ cần có bản ngã là có nghiệp chướng. Chỉ cần có bản ngã thì oán thân trái chủ liền có thể tìm đến, có thể đến làm phiền chúng ta, bản ngã không còn, oán thân trái chủ tìm không thấy. Tìm không thấy thì thôi, đâu còn cách nào khác. Chúng ta không biết niềm vui của vô ngã. Vô ngã là không có các tai nạn, thiên tai gì cũng đều không có.

“Vĩnh ly thân tâm khổ não, thọ lạc vô gián đoạn dã”. Vô ngã, nhưng có người, có chúng sanh, có Phật Bồ Tát. Tôi tôn kính họ nên học tập họ. Có chúng sanh, tôi giúp những chúng sanh này lìa khổ được vui. Giúp Chư Phật Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh. Đem Phật pháp giới thiệu cho mọi người, đây là niềm vui. “Thọ lạc vô gián”, vĩnh viễn là hoan hỷ. “Bất kiến thế gian quá”, tất cả sai lầm của người trong thế gian đều không để ở trong lòng. Nếu để trong lòng tức là ta có khổ. Mọi người tạo nghiệp ác cũng đừng để trong lòng, đương nhiên miệng cũng không nói. Vì sao? Vì ta đồng tình với họ, ta thương xót họ và không trách cứ họ. Vì ta biết rõ ràng tại sao họ tạo nghiệp. Họ vốn là Phật, sao lại ra nông nổi này? Vì mê thấy tự tánh. Không

có người dạy họ. Trong kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói rất hay: “*Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*”. Chúng ta không được trách mắng họ. Biết bao thời đại qua, đã lãng quên đi truyền thống văn hoá và đại thừa Phật pháp. Ít nhất là lãng quên đến năm thời đại, nhưng ta không thể trách cứ. Cha mẹ chúng ta không biết, ông bà chúng ta không biết, ông bà cố cũng không biết. Ông bà cao tổ chắc là biết một chút, nhưng cũng sơ suất. Chúng ta làm sao có thể trách họ? Phật giáo cũng như thế.

Quá khứ sơ suất, ngày nay không có người dạy. Trong đời tôi cảm thấy vô cùng may mắn, đã gặp được ba vị thầy. Thiếu một trong ba vị này đều không được, tôi không thể thành tựu. Thầy Phương là người dẫn dắt tôi con đường nhập môn. Không có thầy, tôi không vào được cửa Phật. Quan niệm sai lầm của tôi đối với Phật giáo cải đổi không được. Tôi là một người cố chấp nặng nề, nên kêu tôi thay đổi quan niệm là rất khó. Cũng chính là do từ nhỏ cống cao ngã mạn, trong mắt không coi ai ra gì. Cứ chấp chặt cách nhìn sai lạc của mình. Nếu không phải người mà trong lòng tôi kính phục nhất, thì họ không thể dạy tôi, tôi không tin tưởng họ. Cho đến khi gặp được thầy Phương Đông Mỹ.

Lúc đó là vì tôi thất học, lưu lạc trong thời kỳ kháng chiến, nên muốn học. Học mà đóng không nổi học phí. Quá trình học tập rất kém, không có cách nào thi vào trường. Nhưng tôi đã viết thư, văn chương viết cũng không tệ. Những vị giáo thọ nổi tiếng tôi đều viết thư cho họ. Có không ít người trả lời hẹn ngày gặp. Tôi quen mười mấy vị giáo thọ nổi tiếng. Mười mấy vị giáo thọ này, người tôi khâm phục nhất là Thầy Phương. Hơn nữa tôi đối với triết học vô cùng hứng thú. Tôi theo thầy học, không phải ở trường, cũng không phải ở lớp học, mà ở nhà của thầy. Trong phòng khách nhỏ của nhà thầy, có một bàn tròn nhỏ. Hai người chúng tôi, một thầy một trò. Một tuần học hai tiếng, cứ như vậy thầy dạy tôi học. Tôi rất cảm kích thầy. Thầy đặc biệt chỉ dạy tôi. Cách dạy này là tùy cơ ứng biến.

Tuy tôi học không nhiều, nhưng ngộ tánh của tôi mạnh. Có thể hiểu và có thể lãnh hội. Và như thế tôi đã làm quen với Phật giáo. Chưa bao lâu, khoảng ba bốn tháng, tôi quen Chương Gia Đại sư. Ngài là nhà Phật học nổi tiếng, chuyên học Phật. Đại sư dạy tôi phương thức cũng rất đặc biệt. Giống như thầy Phương vậy, mỗi tuần dạy tôi hai tiếng. Tôi học một mình với đại sư, và theo đại sư học ba năm, cho đến khi đại sư viên tịch. Đại sư 68 tuổi viên tịch. Khi tôi theo học, đại sư 65 tuổi. Nền móng căn cơ về Phật học của tôi đều nhờ đại sư. Ngài khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi học theo Đức Thế Tôn, duy trì huệ mạng Phật pháp và hoằng pháp lợi sanh. Tôi nghe lời và đã thật sự làm được. Đại sư dạy tôi đọc sách, bộ thứ nhất là “Thích Ca Phổ”, “Thích Ca Phương Chí”. Lúc đó sách này rất khó tìm, phải đến lầu kinh tạng của Chùa Thiện Đạo mượn chép. Cũng may hai bộ kinh này phân lượng

không lớn, nên tôi đem nó viết ra. Lúc đó viết cũng rất vất vả, một ngày có thể viết một vạn chữ, rất siêng năng. Vì Tàng kinh của chùa không cho mượn về, chỉ lợi dụng những ngày nghỉ và thời gian rảnh liền đến chùa mượn ra chép. Nhờ đây mà biết về Đức Thế Tôn.

Đại sư nói, học Phật mà không biết về Đức Thế Tôn, sẽ đi sai đường oan uổng. Nên điều đầu tiên là phải biết về ngài. Hai cuốn sách này chính là truyện ký về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, do người thời nhà Đường viết. Hoàn toàn là trích kinh văn trong kinh điển. Biết được cuộc sống sinh thời của Đức Thế Tôn. Lúc này tôi mới tìm thấy phương hướng, tìm thấy mục tiêu. Học Phật mười mấy năm sau, cũng gần 20 năm. Tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, và làm quen với pháp môn tịnh độ. Vô cùng cảm ân thầy. Nhiều lần khuyên bảo tôi rất cực khổ, tôi không chịu lãnh hội, không tiếp thu. Đến khi giảng kinh Hoa Nghiêm mới biết, Văn Thù Phổ Hiền đều tu tịnh độ. Chẳng những chính mình tu, mà còn lãnh đạo 41 vị pháp thân đại sĩ trong Hoa Tạng Hải Hội, đến thế giới Cực Lạc học tập với Phật A Di Đà. Cảnh quan này khiến tôi vô cùng cảm động. Trong Phật pháp đại thừa, người học Phật nào đối với Văn Thù và Phổ Hiền mà chẳng cung kính? Điều này không cần phải nói.

Văn Thù và Phổ Hiền học pháp môn niệm Phật, phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc. Điều này khiến tôi cảm động sâu sắc. Tôi tiếp tục quan sát tường tận Thiện Tài Đồng Tử. Thiện Tài là môn sinh đặc ý của Văn Thù, đương nhiên hoàn toàn giống thầy. Quan sát tỷ mỷ quả nhiên không sai. Trong 53 lần tham học, những gì Thiện Tài tu đều là pháp môn niệm Phật. Tuy đi khắp nơi tham học, tăng trưởng hậu đắc trí, nghĩa là chẳng có gì không biết, nhưng pháp môn tu vẫn là niệm Phật. Các pháp môn khác chỉ là tri thức, chỉ nghe hiểu là đủ chứ không tu. Còn mình tu mỗi ngày vẫn là niệm Phật, không thay đổi.

Đến lần cuối cùng, lần thứ 53 là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Từ chỗ này tôi lãnh hội được tôn giáo đa nguyên. Đối với bất cứ tôn giáo nào tôi cũng kính trọng, tôi biết khác đường nhưng cùng về một chỗ. Tôn giáo trên thế giới là một nhà, nên tôi học, tôi nghe và tôi hết. Nhưng tôi vẫn niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ. Đây là học được từ 53 lần tham học của Thiện Tài Đồng tử.

Pháp môn nào, dạy ra sao đều có thể bao dung. Chỉ cần không phải là tà giáo. Đều hoan hỷ, đều tán thán, đều lễ kính, đều cúng dường. Những năm gần đây tôi kết duyên rất sâu rất rộng, nên mới xa rời khổ não của thân tâm, tự mình được lợi ích. “Thọ lạc vô gián đoạn”, đây là lợi ích vô cùng lớn lao. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên. Những gì cảm nhận được đều là niềm vui. Không có những ưu bi khổ não, không có những thứ này.

Thứ mười sáu đại nghĩa môn trang nghiêm. Cái gì là đại nghĩa? Điều này có giải thích. “*Tịnh độ thị đại thừa thiện căn giới*”. Giới là giới hạn. Tịnh độ là thiện căn đại thừa. “*Nhất thiết bình đẳng thanh tịnh*”. Là pháp môn Tịnh độ. Nhất thiết, hai chữ này hàm nghĩa sâu rộng vô cùng. Các pháp trong thế xuất thế gian, y chánh trang nghiêm trong quốc độ của tất cả Chư Phật, không có pháp nào là không bình đẳng thanh tịnh. Vì sao? Vì nó là tánh. Các pháp đều như thế, các pháp đều như vậy.

Trong “Hoàn Nguyên Quán” nói ba loại chu biến. Nói rất hay, đó là khoa học tối cao. Hiện nhất thể, nhất thể là tự tánh. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, chính là tâm thanh tịnh của tự tánh, là chân tâm, cũng gọi là pháp tánh. Vì sao? Bởi nó có thể sanh vạn pháp. Nó là bản thể của vạn pháp, nên cũng gọi là pháp tánh. Đối với chính mình gọi là tự tánh, đối với vạn pháp gọi là pháp tánh. Tự tánh và pháp tánh là cùng một tánh. Tự tánh này, nó không phải là hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, không phải là hiện tượng tự nhiên. Nên giới khoa học đối với nó cũng không có cách nào, vì tìm không thấy. Nó ở đâu? Ở mọi nơi mọi lúc. Hư không là nó biến ra. Vì sao tìm không thấy? Vì nó không thuộc về ba loại hiện tượng này nên tìm không thấy. Khoa học nhất định phải có đối tượng. Nó không có đối tượng nhưng nó tồn tại, là bản thể của tất cả pháp.

Từ nhất thể khởi nhị dụng. Khởi nhị dụng này trong Pháp Bảo Đàn Kinh nói: “*Đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp*”. Nó khởi tác dụng thứ nhất là y báo xuất hiện, y báo là vũ trụ. Tác dụng thứ hai là chánh báo xuất hiện, chánh báo là chính mình. Điều này quý vị phải nên ghi nhớ. Chánh báo là nói về chính mình chứ không phải nói người khác. Vì sao? Vì người khác là y báo của mình, chính mình mới là chánh báo. Ngoài mình ra đều là y báo. Chư Phật Bồ Tát là y báo của ta, nên trong y báo có hữu tình chúng sanh, có vô tình chúng sanh. Tình và vô tình đều là y báo. Đây là khởi nhị dụng. Hai loại tác dụng này nó có hiện tượng. Hiện tượng này giới khoa học có thể với đến. Nhưng nhất thể là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, họ không với tới. Nhất định phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ nhìn thấy. Đức Phật nói sự việc này duy chỉ có người chứng được mới biết. Nếu không buông bỏ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước thì vĩnh viễn sẽ không với tới. Buông bỏ phân biệt chấp trước, nó lập tức hiện tiền. Đây mới là hoát nhiên đại ngộ, triệt ngộ. Chỗ bất đồng của Phật Pháp và khoa học chính là ở điểm này, ngoài điều này ra thì Phật pháp và khoa học hoàn toàn tương ưng. Phật pháp cao hơn khoa học chính là cao hơn chỗ này

Ba loại chu biến này là hiện tượng. Thứ nhất là chu biến pháp giới. Vì khi khởi tác dụng thì duyên này là dao động. Nguyên nhân dao động là gì? Không có nguyên nhân. Khi nào nó dao động? Không có thời gian, nên gọi là vô thời vô minh. Vô thời vô minh là duyên. Hai loại tác dụng này khởi lên, bất luận là hiện tượng vật

chất hay hiện tượng tinh thần. Toàn bộ đều là động, không dừng lại. Hiện tượng dao động này, vừa dao động là chu biến pháp giới, tốc độ rất nhanh. Quang điện từ tuyệt đối không thể sánh kịp. Cự ly của mặt trời và địa cầu không xa, ánh sáng mặt trời chiếu đến địa cầu phải mất tám phút. Dao động của hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, vừa dao động là chu biến pháp giới. Làm sao có thể so sánh? Không thể so sánh. Điều này trong đối thoại của Bồ Tát Di Lạc và Đức Thế Tôn nói một cách rõ ràng minh bạch. Bây giờ khoa học cũng chứng minh, những gì Bồ Tát Di Lạc nói là hoàn toàn chính xác. Các nhà lượng tử học phát hiện là chu biến pháp giới. Nên pháp giới và chính mình là một thể, không có chút chướng ngại nào. Chúng ta khởi ý niệm, không nên cho rằng người khác không biết. Nó là giả, tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới đều biết. Ý niệm vừa động thì toàn bộ đều biết.

Hiện tượng thứ hai là xuất sanh vô tận. Ý niệm vừa động, toàn thể vũ trụ liền khởi biến hoá. Đây là gì? Tất cả pháp đều từ tâm tưởng mà sanh ra. Tâm vừa mới động, thì cảnh giới bên ngoài liền khởi biến hoá. Nên thế giới Cực Lạc vì sao lại tốt đẹp như vậy? Con người ở thế giới Cực Lạc không khởi tâm không động niệm. Cho nên họ ở nơi thế giới đó an định như vậy, vĩnh hằng như vậy, tốt đẹp như vậy, không thay đổi. Thế giới này của chúng ta sao lại biến hoá lớn như vậy? Quý vị xem, so với các triều đại khác trong lịch sử thì biến hoá lớn hơn nhiều. Vì sao? Những gì trong đầu của con người bây giờ suy nghĩ phức tạp hơn nhiều so với người xưa, chính là đạo lý này.

Người xưa khởi tâm động niệm, còn có phạm vi đạo đức giới hạn họ. Dù có vượt qua cũng không quá đáng. Bây giờ chuẩn mực đạo đức không còn nữa. Giáo dục nhân quả không còn. Giáo dục tôn giáo cũng không còn. Vọng tưởng và ác niệm của con người không có chuẩn mực. Như vậy mà không đáng sợ sao? Nên dẫn đến động loạn của xã hội, trật tự xã hội không còn. Sẽ có ngày trật tự xã hội hoàn toàn sụp đổ. Như vậy thì đại thiên tai sẽ đến, họa này do con người gây ra. Một nguyên nhân gây ra khác, chính là địa cầu chúng ta ở thiên tai xảy ra quá nhiều. Nguyên nhân chính của thiên tai này, chính là do năm loại tham sân si mạn nghi của con người tạo ra. Tôi giảng kinh, thường gọi nó là ngũ độc. Trong kinh Phật thường nói, tham sân si tam độc. Tôi thêm hai loại thành ngũ độc. Năm độc này là nguyên nhân phá hoại thế giới. Tham lam cảm ứng với thủy tai. Nam Bắc Cực băng đã bị tan, nước biển dâng cao. Giới khoa học tính toán, nếu tan hết, nước biển sẽ dâng lên từ 50 mét đến 70 mét.

Hiện nay các thành thị ven biển đều không còn. Do tham lam gây ra. Sóng thần cũng do tham lam mang lại. Sân nhuế dẫn đến hỏa tai, núi lửa bộc phát, nhiệt độ tăng cao. Nhiệt độ địa cầu không ngừng tăng cao. Đây là nguyên nhân của nóng

giận. Nên người học Phật, nếu không vui liền nổi nóng, thì khiến cho nhiệt độ của địa cầu tăng cao thêm một tí. Nóng giận đã làm ra như vậy. Ngu si dẫn đến phong tai. Sức mạnh của bão và gió lốc rất lớn, không thua gì sóng thần. Ngạo mạn dẫn đến động đất, không bình thường. Đại địa sẽ chấn động. Hoài nghi là căn bản của tất cả tội ác. Hoài nghi đối với điều gì? Không phải là hoài nghi bình thường, mà là hoài nghi đối với giáo huấn của thánh hiền, hoài nghi đối với Phật Bồ Tát, hoài nghi đối với Tôn giáo. Hoài nghi đối với giáo huấn của thánh hiền, hoài nghi nên không tin họ, không học tập họ. Như vậy là tham sân si mạn xuất hiện. Tham sân si mạn đã xuất hiện. Trong Phật pháp đại thừa nói, nghiệp nhân căn bản của các loại thiên tai trên địa cầu. Là nguyên nhân gì? Là con người sống trên địa cầu hàng ngày tạo nghiệp. Tạo nghiệp không ngừng. Quý vị nghĩ xem như vậy thiên tai có thể không phát sanh chăng? Việc cầu đảo có hữu dụng chăng? Hữu dụng. Dùng tâm chân thành để cầu đảo, nhưng cầu đảo là trị ngọn không trị gốc. Lúc đại thiên tai mới cầu nguyện, sẽ hoá giải được thiên tai. Không phải thật sự hoá giải, là đẩy lùi lại. Bây giờ nó không bộc phát, hoặc là bộc phát nhẹ không nghiêm trọng. Đây là sức mạnh của cầu nguyện. Thiên tai không còn, qua vài ngày sau con người lại hoài nghi không tin tưởng, nghĩ rằng vốn không có thiên tai. Cầu đảo của mọi người là giả, nói rằng hoá giải thiên tai là do quý vị, quý vị chỉ nói lung tung. Họ không tin tưởng, do đó tạo nghiệp ngày càng nghiêm trọng. Và thiên tai lại đến, càng kéo dài về sau thì thiên tai càng nghiêm trọng. Vì sao? Vì đã tích tập ác nghiệp càng sâu, nên bộc phát càng nghiêm trọng, chính là đạo lý này. Rất nhiều thiên tai đều trong năm 1999, là năm hai ngàn phát sanh.

Lúc đó con người trên toàn thế giới đều cầu nguyện, lời dự báo của người xưa là ngày tận thế. Tôi tin rằng, mỗi người có tín ngưỡng tôn giáo đều cầu nguyện cho việc này. Đây nó chậm lại, và đến bây giờ mới bạo phát. Bây giờ tin tức này truyền ra, nếu mọi người có thể tin tưởng, siêng năng cầu nguyện, thì thiên tai của năm 2012 sẽ không có. Không có thiên tai thì mọi người lại nói, đó là giả không phải thật. Lời dự ngôn của Mã Nhã là sai lầm, mọi người lại tích cực tạo nghiệp ác. Qua vài năm thiên tai lại đến, càng nghiêm trọng. Lúc này không còn cách nào khác. Cho nên cũng có lời dự báo, tôi nghe nói năm 2012 không phải là nặng nhất. Bây giờ mới bắt đầu. Năm nay là sự khởi đầu của thiên tai, là quy mô nhỏ. Sang năm nghiêm trọng hơn, nhưng không phải là nghiêm trọng nhất. Nghiêm trọng nhất là năm 2013 và 2014, hai năm này là nghiêm trọng nhất.

Ngày xưa lúc gặp tai biến tự nhiên này. Người ta sẽ phản tỉnh, sẽ suy nghĩ về sai lầm và sẽ sám hối để sửa đổi. Như vậy mới thật sự giải quyết từ nền tảng. Nên giải quyết từ nền tảng là giáo dục của thánh hiền, giáo dục của tôn giáo. Nhưng

hiện nay tôn giáo cũng đã mê muội đi theo đường cầu đảo, lãng quên đi sự giáo dục tôn giáo.

Năm ngoái tôi phỏng vấn Vatican, gặp mặt giáo hoàng. Giáo hoàng sai Đào Nhiên người quản lý Thiên Chúa Giáo, giao lưu cùng với chúng tôi. Họ cũng bàn luận đến vấn đề thiên tai trên địa cầu. Tôi kiến nghị với họ, chúng ta mỗi tông giáo, đều nên đem giáo dục tôn giáo phục hồi trở lại. Đây mới là phương pháp trị gốc. Giáo dục tôn giáo, chỉ cần mỗi tôn giáo có tám mươi vị giáo sư truyền thụ giỏi. Đem những kinh điển này giảng thấu triệt, lợi dụng mạng internet và truyền hình vệ tinh để dạy, khiến người trên toàn thế giới đều có thể nghe được. Nếu họ có thể tiếp thu giáo dục tôn giáo, tôi tin rằng có thể đánh thức tâm lành của họ. Đây mới là biện pháp thật sự trị tận gốc, còn không thì thiên tai không cách nào tránh khỏi. Các vị thiên chúa giáo này cũng đều tiếp thu. Hy vọng chúng ta thực hiện điều này trong thời gian nhanh nhất. Không thể kéo dài thêm, kéo dài là không còn kịp nữa, phải nhanh thực hiện nó.

Tôi cảm thấy đây không phải là việc khó. Tôi xuất gia là bắt đầu giảng kinh dạy học, đến nay là 53 năm. 53 năm, quý vị nghĩ xem, chúng tôi dùng những công cụ này. Dùng internet cũng trên 20 năm, dùng truyền hình vệ tinh đến nay cũng được 9 năm. Từ tết nguyên đán năm 2003 chúng tôi bắt đầu, dùng vệ tinh truyền bá. Thực sự có được hiệu quả rất lớn. Điều này có thể cung cấp cho các tôn giáo khác làm tham khảo. Chúng ta cần phải siêng năng nỗ lực, hơn nữa phải cần hợp tác tôn giáo, phải liên hệ mật thiết. Tốt nhất các tôn giáo nên học tập qua lại, do chúng ta dẫn đầu.

Năm ngoái chúng tôi mời ông Haniff dạy chúng tôi “Cổ Lan Kinh”. Chúng tôi còn phải tiếp tục mời người giảng giải “Thánh Kinh”. Một trưởng lão Đạo Do Thái nói với tôi, họ có 600 điều giới luật, tôi vô cùng hưởng ứng. Ông ta cũng đồng ý, tìm thời gian thích hợp sẽ đến học viện của chúng ta để giảng về giới luật của họ. Là Đạo Do Thái. Chúng ta cần phải học tập họ, những cái học được đem thực hành trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Như vậy họ với chúng ta sẽ có rất nhiều chỗ tương đồng. Đáng để tham khảo, đáng để học tập. Đây mới thật sự tôn giáo trên thế giới là một nhà.

Các bậc thánh hiền xưa là một vị thần thật. Thế giới mới có thể phục hồi trật tự, phục hồi đến mức tốt đẹp. Nhân loại mới thực sự trở về với hạnh phúc mỹ mãn. Người bây giờ quả thật quá đáng thương.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 328